TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-PT
Ngày 17-02-2023

V/v tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Vũ Thị Bích Diệp

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản.

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị L; địa chỉ: khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Chùa B, phường Đ, quận A, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 4 năm 2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tố H, luật sư Công ty Luật TNHH MTV N, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Mạc Thanh T; nơi ĐKHKTT: khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở: Đường C, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Thu H; địa chỉ: Đường C, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Mạc Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày:

Bà L lấy chồng là ông Mạc Đình K và sinh được một người con là anh Mạc Thanh T; khi đó gia đình bà sinh sống tại 02 gian nhà thuê của nhà nước tại khu tập thể An Đà, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau đó vợ chồng bà ly hôn; bà đã trả lại 01 gian nhà thuê của nhà nước, còn lại 01 gian thuê nhà của nhà nước bà L cùng con trai anh Mạc Thanh T ở với mẹ đẻ của bà là cụ Nguyễn Thị H tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Tại hợp đồng thuê nhà với nhà nước có tên bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con là Mạc Thanh T. Năm 1991 anh Mạc Thanh T lấy vợ, chuyển ra ở riêng. Khi nhà nước thanh lý căn nhà, bà đã mua thanh lý lại căn nhà diện tích 45,6m^2 và được Sở xây dựng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 030314N0N0 ngày 21/5/2007, mang tên chủ sở hữu là Đào Thị Lựu, mẹ là Nguyễn Thị H, con là Mạc Thanh T. Quá trình mua thanh lý căn nhà, anh T không tham gia đóng góp khoản tiền nào. Tuy nhiên bà vẫn xác nhận quyền sử dụng diện tích 45,6m^2 đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của ba người là bà L, mẹ bà là cụ H và con là anh T. Anh T được hưởng 1/3 giá trị tài sản.

Ngoài ra, bà L bỏ tiền mua một phần diện tích đất đằng sau căn nhà này 40,3 m^2 vì do căn nhà quá bé. Năm 2007, bà xây dựng lại căn nhà kiên cố hơn với kết cấu ba tầng trên tổng diện tích cả hai phần đất là khoảng 90m^2. Tiền mua diện tích đất phía sau và toàn bộ tài sản trên đất là do bà vay mượn, không liên quan đến anh T.

Ngày 28/01/2011, cụ Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc. Mẹ bà không có con riêng, con nuôi nào khác. Bố mẹ và chồng của cụ H đều đã chết từ trước khi cụ H chết nên bà L là người thừa kế duy nhất của cụ H.

Bà L khởi kiện đề nghị Toà án chia tài sản chung là quyền sử dụng 45,6 m^2 đất tại địa chỉ khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở số 030314NONO ngày 21/5/2007, hồ sơ gốc số 8990 và chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H là 1/3 giá trị tài sản chung quyền sử dụng thửa đất trên.

Cụ thể phương án chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà được phần di sản thừa kế của cụ H. Như vậy bà được hưởng 2/3 diện tích 45,6 m^2 là 30,4m^2 tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng còn lại anh T con trai bà được hưởng 1/3 diện tích 45,6 m^2 là 15,2m^2. Do diện tích 15,2 m^2 nhỏ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên bà đề nghị nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và sẽ thanh toán giá trị của 15,2m^2 theo kết quả định giá là 1.596.000.000 đồng cho anh T.

Bị đơn anh Mạc Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị

Phạm Thị Thu H thống nhất trình bày:

Anh đồng ý với quan điểm của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất 45,6 m^2 tại nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 030314N0N0 ngày 21/5/2007, mang tên chủ sở hữu là tên bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con là Mạc Thanh T. Đồng thời anh cũng xác nhận đây là tài sản chung của bà L, cụ H và anh trong đó phần của anh là 1/3 giá trị tài sản; và mẹ anh bà L là người thừa kế duy nhất của cụ H. Về quá trình mẹ anh mua thêm diện tích 40,3 m^2 đất đằng sau căn nhà và xây dựng lại căn nhà trên tổng diện tích cả hai phần đất là khoảng 90m^2, anh xác nhận không phải tiền của anh. Anh T có tham gia giúp mẹ trông coi thợ, mua dây điện và trả 1 phần công thợ nhưng anh không tính toán, không yêu cầu gì do anh là con của bà L.

Về yêu cầu khởi kiện của bà L, anh không đồng ý phân chia tài sản chung mà để nguyên hiện trạng. Nếu phải chia tài sản chung anh không đồng ý về việc chia tài sản chung bằng tiền mà đề nghị chia bằng hiện vật, cụ thể anh nhận 15,2m^2 đất nếu không thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh cứ để vậy để lấy chỗ đi lại, thăm nom mẹ. Hoặc anh đề nghị bà L chuyển nhượng cho anh thêm khoảng 15m^2 đất phía sau phần anh được hưởng để anh đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định, anh T có trách nhiệm thanh toán trả tiền cho mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã thu thập tài liệu, chứng cứ xác minh về nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất, cụ thể:

- Tại Công văn số 3519/SXD-QLN ngày 25/8/2022 của Sở Xây dựng - UBND thành phố Hải Phòng trả lời: Nhà khu A, phường Đ, quận N, Hải Phòng là nhà thuộc sở hữu nhà nước do Công ty Kinh doanh nhà nay là Công ty TNHH MTV Quản lý và kinh doanh nhà Hải Phòng, quản lý ký hợp đồng thuê nhà cho ba thành viên gồm bà Đào Thị L (chủ hợp đồng), mẹ Nguyễn Thị H, con Mạc Thanh T. Ngày 30/3/2005 bà Đào Thị L làm đơn đề nghị mua nhà thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định 61-CP ngày 05/7/1994. Sau khi hoàn tất các thủ tục và nghĩa vụ tài chính, Sở xây dựng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 030314N0N0 ngày 21/5/2007 mang tên chủ sở hữu là tên bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con là Mạc Thanh T với diện tích đất sử dụng 45,6 m^2 tại địa chỉ khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

- Kết quả xác minh tại địa phương và xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện thửa đất không thay đổi gì, không tranh chấp với các hộ xung quanh, phía trước là mặt đường Đông Khê, hai bên giáp 2 ngõ đi bên cạnh. Hiện trạng tài sản trên đất, bà L đã xây dựng lại căn nhà mái bằng 1 tầng gồm 3 gian trên cả hai thửa đất có diện tích khoảng 90m^2, bao gồm thửa đất đang tranh chấp khu A, phường Đ,

quận N và thửa đất tiếp giáp phía sau (địa chỉ số 2 Lô A6 Khu tập thể A, phường Đ, quận N) do bà L tự mua.

- Kết quả xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố và hàng xóm thể hiện bà L sống một mình thỉnh thoảng có sư thầy trụ trì chùa Bảo Phúc đến trông nom bà, bà có 01 con trai duy nhất là anh Mạc Thanh T đã đi ở nơi khác nhiều năm và rất ít khi về thăm bà L. Mẹ đẻ của bà L là cụ H sống cùng bà L đến năm 2011 thì mất, bà L là con duy nhất. Tại thời điểm cụ H mất, cụ H không còn chồng, bố mẹ hay con nào khác.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 164, 165, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 208, 212, 219, 612, 613, 614, 649, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 của Bộ luật Dân sự; Điều 188 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng như sau:

- Bà Đào Thị L được quyền sử dụng thửa đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng có diện tích 45,6 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 030314N0N0 do Sở xây dựng cấp ngày 21/5/2007, mang tên chủ sở hữu là bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con trai Mạc Thanh T.

Bà Đào Thị L có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bà L Đào Thị Lựu có có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Mạc Thanh T và chị Phạm Thị Thu H số tiền 1.596.000.000 (một tỷ, năm trăm chín mươi sáu triệu) đồng là giá trị phần tài sản anh T được hưởng trong khối tài sản chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2022, bị đơn anh Mạc Thanh T có đơn kháng cáo Bản án Dân sự số 07/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Mạc Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và yêu cầu của bị đơn. Anh T trình bày quan điểm, căn nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng trước kia bố mẹ anh và anh sinh sống. Bố mẹ anh ly hôn, anh ở cùng

với mẹ; sau đó nhiều năm bà ngoại anh là cụ H mới về sống chung với hai mẹ con và cụ H cũng không có công sức đóng góp gì nên căn nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của anh và bà L. Chị Phạm Thị Thu H là vợ anh T không có công sức đóng góp nhưng anh xác định là tài sản chung của vợ chồng. Sau này bà L mua thêm diện tích đất ở phía sau, phá toàn bộ nhà cũ trên đất và xây nhà trên toàn bộ diện tích của gian nhà cũ và diện tích đất mua thêm tổng cộng khoảng 90m^2. Anh T có tham gia giúp mẹ trông coi thợ, mua dây điện và trả 1 phần công thợ nhưng anh không tính toán, không yêu cầu gì do anh là con của bà L. Tài sản chung anh T xác định là quyền sử dụng 45,6m^2 đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Quan điểm của anh T không đồng ý chia tài sản chung. Trường hợp Tòa án chia tài sản chung thì anh đề nghị chia thành 02 phần, một nửa của mẹ anh và một nửa của anh T và chị Hà. Anh T và chị Hà nhận hiện vật là quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 45,6m^2, có trách nhiệm thanh toán phần bà L được hưởng tương đương giá trị bằng tiền hoặc chia đôi thì anh T và chị Hà nhận quyền sử dụng 22,8m^2 đất.

Nguyên đơn bà Đào Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Trường giữ nguyên lời trình bày, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Bà L trình bày, năm 1969 vợ chồng bà ở 02 gian nhà thuê của Nhà nước; sau bà ly hôn vì muốn giữ lại gian nhà mặt đường để làm phòng khám bệnh nên bà đã chủ động trả lại Nhà nước 01 gian (vì khi đó quy định 03 người chỉ được ở 01 gian nhà). Khoảng năm 1971 - 1973 cụ H mới về ở cùng bà và anh T và sau này chết ở nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Ngay từ ban đầu thuê nhà của Nhà nước, hợp đồng thuê ghi tên 03 người là bà, cụ H và anh T. Sau này nhà được thanh lý cũng là công sức của 03 người nên phải là tài sản chung của bà L, cụ H và anh T. Nhà cũ đã phá bỏ hết và một mình bà L xây nhà mới nên tài sản chung chỉ là quyền sử dụng 45,6m^2 đất. Do vậy, bà đề nghị tài sản chung chia ba phần, bà L là người thừa kế duy nhất của cụ H nên phần bà L được hưởng là 2/3, anh T được hưởng 1/3 diện tích đất. Bà L đề nghị nhận hiện vật và thanh toán giá trị tương đương bằng tiền cho anh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng khẳng định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền có lý mà không có tình. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đồng ý với quan điểm của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chia tài sản chung cho 03 người là bà L, cụ H và anh T. Bà L là người thừa kế duy nhất của cụ H nên được quyền sử dụng 2/3 diện tích 45,6m^2 đất. Bà L hiện không có chỗ ở và có đủ điều kiện để thanh toán phần giá trị mà anh T được hưởng, tài sản trên đất là của bà L xây. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao bà L được quyền

sử dụng toàn bộ diện tích 45,6m^2 đất và thanh toán phần anh T được tương đương giá trị bằng tiền theo kết quả định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm tại giai đoạn phúc thẩm: Đồng ý với ý kiến của bị đơn anh Mạc Thanh T. Chị Hà trình bày kết hôn với anh T từ năm 1991 và sống chung cùng mẹ và bà anh T được khoảng 4 tháng nhưng do mâu thuẫn gia đình nên anh T và chị Hà chuyển đi ở nơi khác. Anh T là con duy nhất của bà L và bà L là con duy nhất của cụ H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của bị đơn: Căn nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng ban đầu là nhà của Nhà nước; bà L, cụ H và anh T đã ký hợp đồng thuê nhà với nhà nước và sinh sống tại đây. Năm 1991 anh Mạc Thanh T lấy vợ chuyển ra ở riêng. Bà L đã mua thanh lý căn nhà và được Sở xây dựng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất diện tích 45,6 m^2 mang tên chủ sở hữu là bà L, cụ H và anh T. Việc mua thanh lý căn nhà anh T và cụ H không tham gia đóng góp gì, tuy nhiên bà L tự nguyện xác định đây là sản chung của bà, cụ H và anh T. Cụ H chết không để lại di chúc; bà L là người thừa kế duy nhất của cụ H. Vì vậy, đối với tài sản chung là quyền sử dụng 45,6m^2 đất, bà L được hưởng 2/3 là 30,4m^2, anh T được hưởng 1/3 là 15,2m^2; anh T xác định đây là tài sản chung của anh và vợ anh là chị Hà nên chấp nhận. Do bà L hiện không có chỗ ở, anh T đang có nơi ở ổn định; diện tích 15,2m^2 không đủ điều kiện để tách thửa nên giao cho bà L được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 45,6m^2 đất và thanh toán phần giá trị anh T được hưởng bằng tiền theo kết quả của hội đồng định giá 1.596.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật và phù hợp với thực tế. Do vậy, kháng cáo của anh Mạc Thanh T không có cơ sở để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế; do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của bị đơn anh Mạc Thanh T:

[2] Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng nguồn gốc là nhà của Nhà nước, gia đình bà L bao gồm bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con là Mạc Thanh T đã ký hợp đồng thuê nhà với nhà nước và sinh sống tại đây. Năm 1991 anh Mạc Thanh T lấy vợ chuyển ra ở riêng. Khi nhà nước thanh lý căn nhà, bà L đã mua thanh lý căn nhà và được Sở xây dựng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 030314N0N0 ngày 21/5/2007, mang tên chủ sở hữu là bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con là Mạc Thanh T có diện tích 45,6 m^2. Việc mua thanh lý căn nhà anh T và cụ H không tham gia đóng góp gì, tuy nhiên bà L tự nguyện xác định đây là sản chung của bà, cụ H và anh T.

[3] Cụ H chết ngày 28/01/2011, không để lại di chúc; di sản thừa kế của cụ Hẳng là quyền sử dụng 1/3 diện tích đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Cụ H có 01 người con duy nhất là bà L, không có con riêng, con chung nào khác; tại thời điểm cụ H mất; bố, mẹ và chồng của cụ H đều đã chết. Do vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651, 660 Bộ luật Dân sự bà L là người thừa kế duy nhất di sản của cụ H để lại là 1/3 quyền sử dụng đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Như vậy, trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất 45,6m^2 tại nhà khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, bà L được quyền sở hữu 2/3 là 30,4m^2, anh T được hưởng 1/3 là 15,2m^2; anh T xác định đây là tài sản chung của anh và vợ anh là chị Hà nên Hội đồng xét xử xác định phần diện tích 15,2m^2 là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị Hà theo quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận quan điểm của bị đơn là anh T và chị Hà được hưởng ½ quyền sử dụng 45,6 m^2 đất và bà L được hưởng ½ quyền sử dụng 45,6 m^2 đất.

[4] Đối với việc anh T đề nghị được nhận toàn bộ diện tích 45,6 m^2 đất và thanh toán phần diện tích bà L được hưởng tương đương giá trị bằng tiền hoặc nhận phần tài sản chung là diện tích đất anh và chị Hà được hưởng để vợ chồng anh quản lý và sử dụng: Theo quy định tại Quyết định 1394/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, thì diện tích 15,2m^2 không đủ để tách thửa; bà L hiện không có chỗ ở, anh T đang có nơi ở ổn định. Hơn nữa, toàn bộ tài sản trên đất là của bà L xây dựng, tại phiên tòa bà L cam đoan có đủ tiền để trả giá trị tương đương cho anh T, chị Hà; do vậy, giao cho bà L được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 45,6m^2 đất và thanh toán phần giá trị anh T được hưởng bằng tiền theo kết quả của hội đồng định giá 1.596.000.000 đồng (15,2m^2 x 105.000.000 đồng/1m^2) là có cơ sở và phù hợp với điều kiện thực tế của các bên.

Vì vậy kháng cáo của anh Mạc Thanh T không có cơ sở để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về chi phí tố tụng:

[5] Do bà L được hưởng 2/3 trị giá tài sản nên bà L phải chịu 2/3 chi phí định giá tài sản là 2/3x 10.000.000 đồng = 6.667.000 đồng. Anh T được hưởng 1/3 trị giá tài sản chung nên anh T phải chịu 1/3x 10.000.000 đồng = 3.333.000 đồng. Do bà L đã tạm ứng số tiền chi phí định giá tài sản là 10.000.000 đồng nên buộc anh T phải trả lại bà L số tiền 3.333.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6] Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà L là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu: 36.000.000 đồng + 3% x (1.596.000.000 đồng - 800.000.000 đồng) = 59.880.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Mạc Thanh T là người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; các điều 164; 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 208; 212; 219; 612; 613; 614; 649; 651; 660; 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 188 của Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Mạc Thanh T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng như sau:

- Bà Đào Thị L được quyền sử dụng thửa đất tại khu A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng có diện tích 45,6 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 030314N0N0 do Sở xây dựng cấp ngày 21/5/2007, mang tên bà Đào Thị L, mẹ là Nguyễn Thị H, con trai là Mạc Thanh T.

Bà Đào Thị L có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bà L Đào Thị Lựu có có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Mạc Thanh T và chị Phạm Thị Thu H số tiền 1.596.000.000 (một tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu) đồng là giá trị phần tài sản anh T được hưởng trong khối tài sản chung.

- Về chi phí tố tụng: Anh Mạc Thanh T phải trả bà Đào Thị L tiền chi phí định giá tài sản là 3.333.000 (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại các điều 357; 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đào Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Mạc Thanh T phải chịu 59.880.000 (năm mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn anh Mạc Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006740 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Minh Thu